TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NINH BÌNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 04/2018/KDTM -ST
Ngày: 30 - 03- 2018
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NINH BÌNH TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Sâm.
Các hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hoàng Văn Bình
2. Bà Nguyễn Thị Thinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Giang Thị Thúy Thu - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng V - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2018/TLST-KDTM ngày 15 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp về hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXX-ST ngày 12 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST- KDTM ngày 12/3/2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng N**; Địa chỉ: Số 2 L, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Ngọc K - Chủ tịch Hội đồng thành viên; Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Phạm Thị V - Giám đốc Phòng giao dịch số 5 - Ngân hàng N - chi nhánh thành phố Ninh Bình. (Văn bản ủy quyền số 510 ngày 19/6/2014 của Ngân hàng N và văn bản ủy quyền số 03 ngày 01/9/2017 của Ngân hàng N chi nhánh thành phố Ninh Bình).

2. Bị đơn: **Anh Nguyễn Văn B**, sinh năm 1984 và **chị Tống Thị Th**, sinh năm 1987; Cùng địa chỉ: Phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình.

Tại phiên toà: Bà V có mặt; anh B Vắng mặt không có lý do; chị Th vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải bà Phạm Thị V là người đại diện theo ủy quyền lại của Ngân hàng N trình bày: Theo hợp đồng tín dụng số 3302LAV 201600339 ngày 25/4/2016 đã ký giữa Ngân hàng N - chi nhánh thành phố Ninh Bình và vợ chồng anh Nguyễn Văn B , chị Tống Thị Th thì Ngân hàng cho vợ chồng anh B chị Th vay số tiền 370.000.000đ để kinh doanh mua bán thạch cao, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 25/4/2016, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm. Vợ chồng anh B chị Th có ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.10.41, ngày 21/4/2014 thế chấp quyền sử dụng 121,5m^2 đất, nhà ở và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 12, tại phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình đã được UBND thành phố Bình Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 849434 ngày 26/11/2013 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Tống Thị Th. Anh B và chị Th đã nhận đủ số tiền vay là 370.000.000đ . Kể từ khi vay đến nay anh B và chị Th chưa trả cho Ngân hàng số tiền gốc và tiền lãi lần nào. Cho đến nay vợ chồng anh B và chị Th còn nợ Ngân hàng N- chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền gốc là 370.000.000đồng; Tiền lãi trong hạn từ 25/4/2016 đến ngày 30/3/2018 là 72.355.556đồng; Tiền lãi quá hạn từ 25/4/2017 đến ngày 30/3/2018 là 17.420.833đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 459.776.389đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/3/2018 cho đến khi trả hết nợ. Nếu anh B và chị Th không trả được khoản nợ nói trên thì đề nghị Tòa án phát mãi tài sản thế chấp của anh B và chị Th để đảm bảo thi hành án là quyền sử dụng đất diện tích 121,5m^2, nhà ở và toàn bộ các công trình xây dựng trên tích đất thế chấp tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 12, tại phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, theo giấy chứng nhận QSD đất số BP 849434 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 26/11/2013 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Tống Thị Th.

Tại bản tự khai và biên bản hoà giải anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th trình bày: Vợ chồng anh chị có ký kết hợp đồng tín dụng số 3302LAV 201600339 ngày 25/4/2016 và hợp đồng thế chấp số 14.10.41 ngày 21/4/2014 để vay Ngân hàng N - chi nhánh thành phố Ninh Bình với số tiền vay là 370.000.000đ của Ngân hàng là đúng, sau khi vay vợ chồng anh đã đưa số tiền vay cho anh rể anh là Vũ Văn T để mua máy xúc cùng làm ăn kinh doanh nhưng đã bị anh T lừa lấy tiền đi chơi lô đề hết và hiện nay đã bỏ đi khỏi nơi cư trú, anh đã liên lạc nhiều lần yêu cầu anh T trả số tiền trên cho vợ chồng anh chị, để anh chị trả cho Ngân hàng nhưng không liên lạc được. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh trả nợ số tiền nợ gốc là 370.000.000đồng và tiền lãi tính đến ngày 31/8/2017 lãi trọng hạn là 50.772.222đồng; lãi quá hạn là 6.629.166đồng. Tổng cộng nợ gốc và lãi tính đến ngày 31/8/2017 là 427.401.389đồng và lãi phát sinh sau ngày 31/8/2017 cho đến khi trả hết nợ là đúng. Quan điểm của vợ chồng anh đề nghị Ngân

hàng xem xét hoàn cảnh của gia đình anh khó khăn, anh xin được trả dần số tiền gốc, còn số tiền lãi gia đình anh sẽ trả sau.

Tại phiên tòa đại diện của Ngân hàng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không chấp nhận phương án trả nợ của anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th, vì anh B chị Th đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nhiều lần, phương án trả nợ không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Ninh Bình phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ, đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự: Đại diện Ngân hàng chấp hành tốt quy định của pháp luật, đối với bị đơn vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Về việc giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 342, 343, 355, 471,474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 1 Điều 179 Luật đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 70, Điều 147; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 158; Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình đối với anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th, về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Buộc anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th phải trả cho Ngân hàng N - chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền nợ tính đến ngày xét xử 30/3/2018 là 459.776.389đ trong đó: nợ gốc là 370.000.000đồng; tiền lãi trong hạn là 72.355.556đồng, tiền lãi quá hạn là 17.420.833đồng. Anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th còn phải trả lãi phát sinh tiếp theo hợp đồng tín dụng số 3302LAV 201600339 từ ngày 31/3/2018, cho đến khi trả hết tiền nợ gốc cho Ngân hàng. Trường hợp anh B, chị Th chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình được quyền yêu cầu xử lý đối với các tài sản thế chấp để thu hồi nợ gồm: quyền sử dụng đất diện tích 121,5m^2, nhà ở và toàn bộ các công trình xây dựng trên tích đất thế chấp tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 12, tại phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; Về chi phí thẩm định: Nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định. Anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th phải chịu chi phí thẩm định là 400.000đồng. Anh B, chị Th có trách nhiệm hoàn trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền tạm ứng chi phí thẩm định đã nộp. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình không phải nộp án phí và được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Nguyễn Văn B, chị Tống

Thị Th phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là 22.391.055đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa ngày 12/3/2018, đại diện Ngân hàng có mặt, anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất mà vắng mặt . Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, 233 và 235 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào hồi 7 giờ 30 phút, ngày 30 tháng 3 năm 2018.

Tại phiên tòa ngày 30/3/2018, đại diện Ngân hàng có mặt, anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vắng mặt (anh B vắng mặt không có lý do, chị Th vắng mặt có lý do). Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo Hợp đồng tín dụng số 3302LAV 201600339/HĐTD ngày 25/4/2016 được ký kết giữa Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình và anh Nguyễn Văn B thì Ngân hàng đã cho anh Nguyễn Văn B vay số tiền 370.000.000đồng để kinh doanh mua bán thạch cao, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày 25/4/2016, lãi suất 10%/năm, lãi quá hạn là 15%/năm. Anh B đã nhận đủ số tiền vay là 370.000.000 đồng. Anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th không có mặt tại phiên tòa, nhưng tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 12/12/2017 cũng thừa nhận vợ chồng anh chị có ký kết hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản , số tiền vay và lãi suất như Ngân hàng đã khởi kiện nhưng không có tiền để trả nợ, do hoàn cảnh gia đình anh chị khó khăn, bị anh rể là Vũ Văn T lừa hết tiền dẫn đến không có khả năng trả nợ, vợ chồng anh xin được trả dần số tiền nợ gốc, còn số tiền lãi gia đình anh sẽ trả sau. Như vậy, việc ký kết hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn là hoàn toàn tự nguyện, nội dung và hình thức đều đảm bảo đúng quy định của pháp luật, anh B và chị Th đều thừa nhận khoản tiền vay Ngân hàng nên đây là khoản nợ chung của vợ chồng và vợ chồng anh B chị Th phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng. Việc anh B chị Th đưa ra lý do không trả nợ là do bị anh rể lừa lấy tiền và hoàn cảnh khó khăn là không có căn cứ, vì hợp đồng tín dụng được giao kết không liên quan đến anh T, việc sử dụng vốn vay là quyền của người vay nhưng khi đến hạn trả nợ thì bên vay phải có nghĩa vụ với bên cho vay nên việc Ngân hàng khởi kiện anh B chị Th để yêu cầu trả số tiền gốc đã vay là 370.000.000đồng là có căn cứ. Thời điểm ký kết hợp đồng tín dụng giữa các bên là thời điểm Bộ luật dân sự năm 2005 đang được thực hiện nên Tòa án áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án. Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 91, 95 Luật

các tổ chức Tín dụng; Tòa án xác định bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc là 370.000.000đ.

- Về lãi suất: Kể từ khi vay đến nay anh B chị Th chưa trả lãi cho Ngân hàng, vi phạm nghĩa vụ trả lãi hàng tháng được ký kết giữa hai bên nên Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh B, chị Th trả nợ lãi cho Ngân hàng tính đến ngày 30/3/2018, là 89.776.389đ (trong đó: Nợ lãi trong hạn là: 72.355.556đ, lãi quá hạn là: 17.420.833đồng). Việc tính lãi trong hạn và lãi quá hạn mà Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết đối với khoản vay của anh B, chị Th là đúng theo thỏa thuận của hai bên trong hợp đồng tín dụng và theo khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng. Vì vậy Tòa án chấp nhận tổng số tiền lãi mà Ngân hàng yêu cầu anh B, chị Th phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 30/3/2018 là: 89.776.389đồng . Anh B, chị Th phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết kể từ ngày 31/3/2018 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng.

Từ sự phân tích trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc vợ chồng anh B, chị Th phải có nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc và nợ lãi chưa thanh toán cho Ngân hàng tính đến ngày 30/3/2018 là: 459.776.389đồng (trong đó nợ gốc là 370.000.000đ, nợ lãi trong hạn là 72.355.556đồng, lãi quá hạn là 17.420.833đồng). Kể từ ngày 31/3/2018, anh B, chị Th còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

- Về tài sản đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản vay của bị đơn: Để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng vợ chồng anh Nguyễn Văn B và chị Tống Thị Th đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất là 121,5m^2 đất, nhà ở và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất thuộc thửa số 291, tờ bản đồ số 12, tại phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình, đã được UBND thành phố Ninh Bình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 849434 ngày 26/11/2013 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà Tống Thị Th theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 14.10.41, ngày 21/4/2014 và biên bản xác định lại giá trị tài sản đảm bảo giữa Ngân hàng và vợ chồng anh B. Hợp đồng thế chấp đã được Công chứng, chứng thực, đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền là giao dịch hợp pháp thể hiện đây là giao dịch hợp pháp .

Ngày 30/01/2018 Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích 121,5m^2, nhà ở và toàn bộ các công trình xây dựng trên diện tích đất tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 12, địa chỉ: phố Đ, phường N, thành phố Ninh Bình, đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất số BP 849434 do UBND thành phố Ninh Bình cấp ngày 26/11/2013 mang tên ông Nguyễn Văn B và bà

Tống Thị Th. Kể từ thời điểm anh B, chị Th thế chấp quyến sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho Ngân hàng đến nay tài sản thế chấp không thay đổi, vẫn giữ nguyên hiện trạng, anh B chị Th không tôn tạo xây dựng, trồng cấy làm thêm bất kỳ công trình nào trên phần đất và tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng.

Các tài sản đảm bảo đều thuộc quyền sử dụng và sở hữu của anh B và chị Th. Do vậy nếu anh B chị Th không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng N - chi nhánh thành phố Ninh Bình, thì Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của anh B và chị Th để thu hồi nợ cho Ngân hàng là đúng quy định của pháp luật và phù hợp với Điều 342, 343, 344, 351, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do anh B chị Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên căn cứ khoản 1 Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự, anh B, chị Th phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền là 400.000đ. Ngân hàng không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Do Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nên anh B, chị Th phải hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền 400.000đồng.

[4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm của số tiền 459.776.389đồng là: [20.000.000đ + (4% x 59.776.389đ = 2.391.055đ)] = 22.391.000đồng (Hai mươi hai triệu ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

Ngân hàng N không phải nộp án phí, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 342; 343, 344, 355, 471, 474, 715, 716, 717, 718, 719, 720, 721 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 179 Luật đất đai năm 2013; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

- Khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N đối với anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th về "Tranh chấp về hợp đồng tín dụng".

1. Buộc anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền gốc và lãi tính đến ngày 30/3/2018 là 459.776.389đồng. (Bốn trăm năm mươi chín triệu, bẩy trăm bảy mươi sáu nghìn, ba trăm tám mươi chín đồng). (Trong đó tiền nợ gốc là 370.000.000đ và tiền lãi trong hạn là: 72.355.556đ, lãi quá hạn là 17.420.833đồng) .

Kể từ ngày 31/3/2018 anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th còn phải trả tiền lãi suất quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số số 3302LAV 201600339/HĐTD, ngày 25/4/2016 cho đến khi trả hết số tiền nợ gốc cho Ngân hàng No & PTNTVN- chi nhánh thành phố Ninh Bình.

2. Về xử lý tài sản thế chấp:

- Ngân hàng được quyền tiếp tục quản lý các giấy tờ xác lập quyền sở hữu sử dụng tài sản thế chấp.

- Sau khi anh B, chị Th thi hành xong số tiền phải trả, thì Ngân hàng N – chi nhánh thành phố Ninh Bình có trách nhiệm giải chấp cho anh B chị Th toàn bộ các giấy tờ gốc liên quan đến tài sản thế chấp.

- Trường hợp nếu anh B, chị Th không trả được nợ, thì Ngân hàng N – chi nhánh thành phố Ninh Bình có quyền yêu cầu đề nghị Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phát mãi tài sản đã thế chấp của anh B, chị Th để thu hồi nợ.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc anh B, chị Th phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền là 400.000đồng. Anh B, chị Th phải hoàn trả lại số tiền 400.000đồng cho Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B, chị Tống Thị Th phải nộp án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 22.391.000đ (Hai mươi hai triệu, ba trăm chín mươi mốt nghìn đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng No & PTNTVN - Chi nhánh thành phố Ninh Bình số tiền là 10.500.000đồng (Mười triệu năm trăm nghìn đồng), Ngân hàng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, tỉnh

Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000774 ngày 10 tháng 11 năm 2017.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 30 tháng 3 năm 2018. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền Thả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6 Điều 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(đã ký)

Trần Thị Sâm

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Hoàng Văn Bình **Nguyễn Thị Thinh** **Trần Thị Sâm**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP. Ninh Bình;
- Chi cục Thi hành án TPNB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Sâm